

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 199/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 09 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Lê Nam Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXX- ST ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐHPT- ST ngày 06/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị La Thị S – sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.(có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H – sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, chị La Thị S yêu cầu giải quyết vụ án với bị đơn anh Nguyễn Văn H như sau:

Về hôn nhân: Chị La Thị S và anh Nguyễn Văn H, tự nguyện kết hôn vào năm 2010, việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thanh Hóa, cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, hay xảy ra bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên rượu chè, đánh đập chị nhiều lần nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng, khuyên giải để anh H không thay đổi, có lần

chị cũng đã bỏ đi rồi lại quay về nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Năm 2020 chị làm đơn ly hôn song lại rút đơn về vì anh H không hợp tác làm việc. Tuy nhiên được một thời gian yên ổn thì anh H lại tính nào tạt đó, tiếp tục rượu chè, chửi bới, đánh đập chị nhiều lần. Do không chịu được cách cư xử của anh H nên chị đã đưa các con đi về ngoại ở riêng từ tháng 3/2022, kể từ đó đến nay chị và anh H đã cắt đứt quan hệ tình cảm với nhau, không ai còn phụ thuộc về kinh tế và sinh hoạt trong gia đình. Nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị La Thị S và anh Nguyễn Văn H có 03 con chung. Cháu đầu là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 03/01/2012, cháu thứ hai là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2013 và cháu Nguyễn Cát Tường V, sinh ngày 22/10/2018. Hiện nay chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu là Nguyễn Thị Như Quỳnh và cháu Nguyễn Cát Tường V. Nay nguyện vọng của chị S xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu là Nguyễn Thị Như Q và Nguyễn Cát Tường V. Chị đề nghị anh H nuôi cháu Nguyễn Văn Ph, về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị La Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/7/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn H có quan điểm trình bày:

Về hôn nhân, sau khi kết hôn vào năm 2010, anh H và chị S chung sống với nhau hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, ban đầu vợ chồng chỉ mâu thuẫn bất đồng nhỏ, lời qua tiếng lại với nhau sau đó lại trở lại bình thường, anh cũng thừa nhận có một lần duy nhất chị S có lời lẽ xúc phạm anh trước mặt bạn bè. Do bức xúc nên anh có tát chị S 02 cái nên chị S bỏ về nhà ngoại sinh sống, anh cũng có xuống thăm chị và các con nhưng chị S chửi bới anh. Nay chị S làm đơn ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án khuyên ngăn hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung như chị S đã trình bày, trong trường hợp phải ly hôn thì anh xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph, chị S nuôi hai cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Cán bộ địa phương nơi anh H, chị S sinh sống cho biết. Anh H và chị S hay xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là do anh H hay say rượu, hay chửi bới, đánh đập chị S nhiều lần, lần gần nhất là vào tháng 6 năm 2022. Địa phương đã hòa giải khuyên ngăn nhiều lần, có lần chị S đi Miền Nam làm ăn khoảng một năm rồi lại về nhưng vợ chồng vẫn không cải thiện được tình cảm. Hiện nay thì chị S đã mang hai cháu về bên ngoại sinh sống, còn anh H nuôi cháu đầu.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn các bên vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Kết thúc phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, là đã thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thị S, xử cho chị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị La Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2013 và cháu Nguyễn Cát Tường V, sinh ngày 22/10/2018. Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 03/01/2012, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30/12/2016. Của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Chị S phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Chị La Thị S và anh Nguyễn Văn H, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, việc kết hôn giữa hai bên là trên cơ sở hôn nhân tự nguyện. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm các quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, thời kỳ hôn nhân của anh, chị được công nhận là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn: Năm 2010, anh H và chị S tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau. Sau thời gian chung sống, anh chị đã có 03 người con chung. Tuy nhiên, quá trình chung sống thì vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình anh, chị không hòa hợp được với nhau. Bên cạnh đó anh H hay uống rượu, không làm chủ được hành vi dẫn tới vợ chồng thường xảy ra xô sát nhau. Từ năm 2020 đến năm 2021, chị S đã chủ động làm đơn xin ly hôn anh H nhưng vì con cái nên chị lại tự nguyện rút đơn về. Nay dù quan điểm của anh H không đồng ý ly hôn với chị S, nhưng trong thời kỳ hôn nhân anh và chị đã xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, mà bản thân anh H không chịu thay đổi, không có biện pháp cải thiện

tình cảm vợ chồng nên thời gian gần đây chị và anh đã phải sống ly thân. Điều đó đã chứng minh tình cảm của chị S đã thực sự không còn thương yêu anh, không còn tha thiết gắn bó tình cảm trong đời sống vợ chồng. Nay chị S làm đơn ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận. Như vậy, mâu thuẫn phát sinh giữa chị S và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn khả năng hàn gắn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị S đối với anh H là phù hợp tình trạng hôn nhân của anh, chị như hiện nay.

[4] Về nguyên vọng nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị La Thị S và anh Nguyễn Văn H có với nhau 03 người con chung, cháu đầu là Nguyễn Văn Phúc - sinh ngày 03/01/2012, cháu Nguyễn Thị Như Q - sinh ngày 21/10/2013 và cháu Nguyễn Cát Tường V - sinh ngày 22/10/2018. Xét nguyên vọng nuôi con của mỗi bên là phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng. Nên giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 03/01/2012. Giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2013 và cháu Nguyễn Cát Tường V, sinh ngày 22/10/2018. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung*: Chị S và anh H không ai yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án). Buộc chị S phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này sẽ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp. Do không phát sinh về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nên anh và chị không phải nộp án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị La Thị S, chị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn H;

Về quyền nuôi con chung: Công nhận chị La Thị S và anh Nguyễn Văn H có 03 con chung. Nay giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng cháu Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 03/01/2012, Giao cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2013 và cháu Nguyễn Cát Tường V, sinh ngày 22/10/2018. Sau khi ly hôn, anh, chị có quyền, nghĩa vụ qua lại, thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền thăm con.

Về cấp dưỡng: Anh, chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản: Không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị La Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2021/0009110 ngày 13/7/ 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. (Chị S đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử công khai có mặt chị S vắng mặt anh H, Chị S được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện H .
- UBND xã X, huyện H;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi